ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54 /2015/QĐ-UBND	*Bình Thuận, ngày 27 tháng 10 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ và Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2011/TT-BTC và Thông tư số 140/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2013/TT-BTC;

Theo đề nghị của Liên Sở: Tài chính - Xây dựng - Cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá tính lệ phí trước bạ các loại tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận như sau:

1. Giá tính lệ phí trước bạ:

a) Đối với tài sản là máy thủy, vỏ tàu gỗ, ca nô: Quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Đối với tài sản là Sơmi Rơmoóc: Quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Đối với tài sản là nhà: Quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định này.

d) Đối với tài sản là ô tô, xe máy: Quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định này.

đ) Đối với các loại tài sản đã qua sử dụng thì giá tính lệ phí trước bạ được tính theo tỷ lệ chất lượng còn lại quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định này.

e) Giá tính lệ phí trước bạ quy định tại các điểm a, b, d, đ khoản 1 Điều này là giá tối thiểu để tính lệ phí trước bạ. Trường hợp giá ghi trong hóa đơn cao hơn thì giá tính lệ phí trước bạ là giá trên hóa đơn.

2. Giá tính lệ phí trước bạ đối với đất: Là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai nộp lệ phí trước bạ.

Đối với đất mua theo phương thức đấu giá đúng quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá thì giá tính lệ phí trước bạ là giá trúng đấu giá thực tế ghi trên hoá đơn bán hàng.

Điều 2. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung bảng giá tính lệ phí trước bạ

1. Nguyên tắc chung: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung khi giá tính lệ phí trước bạ có biến động tăng, giảm từ 10% trở lên hoặc phát sinh tài sản mới chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ cần phải có giá để tính lệ phí trước bạ.

2. Để giải quyết hồ sơ kịp thời khi tổ chức, cá nhân có tài sản mới đến cơ quan thuế đăng ký kê khai lệ phí trước bạ hoặc giá tính lệ phí trước bạ quy định tại Quyết định này có biến động tăng, giảm từ 10% trở lên (trừ tài sản là nhà, đất). Ủy quyền Sở Tài chính ban hành Quyết định về giá tính lệ phí trước bạ trên cơ sở đề nghị của Cục Thuế tỉnh. Vào tháng 12 hàng năm Sở Tài chính tổng hợp, phối hợp Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung. Nguyên tắc xác định giá để thu lệ phí trước bạ được thực hiện như sau:

- Đối với những loại xe mới, sản xuất, lắp ráp trong nước mới phát sinh chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ ban hành kèm theo Quyết định này, căn cứ hóa đơn bán hàng để tính lệ phí trước bạ (thông qua đối chiếu với thông báo giá của hãng sản xuất nếu có), trường hợp thông báo giá của hãng sản xuất cao hơn thì lấy theo giá thông báo của hãng sản xuất.

- Đối với những loại xe nhập khẩu không phổ biến trên thị trường, chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ, thì áp dụng theo giá của loại tài sản tương đương có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ ban hành kèm theo Quyết định này, hoặc xác định bằng (=) giá nhập khẩu (cơ quan Hải quan đã xác định tại cửa khẩu, giá CIF), cộng (+) thuế nhập khẩu, cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị giá tăng theo chế độ quy định đối với loại tài sản tương đương. Trường hợp không có giá tương đương trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Cục Thuế tỉnh phối hợp với Sở Tài chính căn cứ hồ sơ, khảo sát giá thị trường để xác định giá tính lệ phí trước bạ.

Điều 3. Giao trách nhiệm

1. Cục Thuế tỉnh:

- Theo dõi biến động giá thị trường, tổng hợp các hồ sơ phát sinh mới, biến động giá gửi Sở Tài chính, sau khi có Quyết định của Sở Tài chính, thông báo giá tính lệ phí trước bạ đối với các tài sản đến các Chi cục Thuế để xác định mức thu cho các tổ chức, cá nhân.

- Phối hợp Sở Tài chính xây dựng quy chế phối hợp, đảm bảo trong vòng 7 ngày làm việc phải có giá để xác định mức thu cho các tổ chức, cá nhân có hồ sơ đăng ký kê khai lệ phí trước bạ mới phát sinh.

- Xác định đối tượng không phải nộp và thực hiện miễn, giảm lệ phí trước bạ theo đúng quy định tại Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ, Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25/3/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP và Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28/3/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

2. Sở Tài chính:

- Trên cơ sở đề nghị của Cục Thuế tỉnh, thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá tính lệ phí trước bạ để làm cơ sở cho Cục Thuế tỉnh thông báo cho các Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố xác định mức thu cho các tổ chức, cá nhân.

- Chủ trì, phối hợp Cục Thuế tỉnh xây dựng quy chế phối hợp, đảm bảo trong vòng 7 ngày làm việc phải có giá để xác định mức thu cho các tổ chức, cá nhân có hồ sơ đăng ký kê khai lệ phí trước bạ mới phát sinh.

- Chủ trì phối hợp Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung bảng giá tính lệ phí trước bạ quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 26/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT và Ủy viên UBND tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- Báo Bình Thuận, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu VT, ĐTQH, TH Hùng (b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận
Email: ubnd@binhthuan.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận
Thời gian ký: 06.11.2015 14:17:08 +07:00

Người ký: Lê Tiến Phương
Email: phuonglt@ubnd.binhthuan.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận
Thời gian ký: 06.11.2015 14:16:55 +07:00

Lê Tiến Phương